

TUẦN 24

Toán LUYỆN TẬP / 120

I / HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN:

- **Bài 1/ Đặt tính rồi tính:** (Cách chia đã hướng dẫn tiết trước)

$$\begin{array}{r} 1608 \overline{) 4} \\ 00 \overline{) 402} \\ 08 \\ 0 \end{array}$$

- **Bài 2 / Tìm x:**
- Muốn tìm thừa số chưa biết: Ta lấy tích chia cho thừa số đã biết .
- **Bài 3: Bài toán**
- Bước 1: Tìm số gạo cửa hàng đã bán $\frac{1}{4}$ (Đem chia cho 4)
- Bước 2: Tìm số gạo cửa hàng còn lại

II/ THỰC HÀNH :

Bài 1: Đặt tính rồi tính:

a/ $1608 : 4$

b/ $2035 : 5$

.....
.....
.....
.....

$2105 : 3$

$2413 : 4$

.....
.....

.....

.....

Bài 2/ Tìm x:

a/ $X \times 7 = 2107$

.....

.....

.....

.....

b/ $8 \times X = 1640$

Bài 3/ Một cửa hàng có 2024 kg gạo, cửa hàng đã bán $\frac{1}{4}$ số gạo đó. Hỏi cửa hàng còn lại bao nhiêu kí-lô-gam gạo ?

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Toán
LUYỆN TẬP CHUNG/ 120

I / HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN:

- **Bài 1/ Đặt tính rồi tính:** (Cách chia ; nhân đã hướng dẫn tiết trước)

$$\begin{array}{r} 3284 \\ \times 4 \\ \hline \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 821 \\ \times 4 \\ \hline \end{array}$$

Bài 2/ Tương tự bài 1

Bài 4/ Bài toán

- Bước 1 : Ta đi tìm chiều dài? (Chiều dài gấp 3 lần chiều rộng)
- Bước 2: Tìm chu vi hình chữ nhật ? (Chu vi hình chữ nhật ta lấy chiều dài cộng với chiều rộng (cùng đơn vị đo) rồi nhân với 2)

II/ THỰC HÀNH :

- Bài 1:Đặt tính rồi tính

$$a/ 821 \times 4$$

$$1012 \times 5$$

$$308 \times 7$$

.....

.....

.....

.....

.....

- Bài 2: Đặt tính rồi tính:

$$4691 : 2$$

$$5060 : 5$$

$$1607 : 4$$

.....

.....

.....

.....

Bài 4: Một sân vận động hình chữ nhật có chiều rộng 95m và chiều dài gấp 3 lần chiều rộng. Tính chu vi sân vận động đó.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Toán
LÀM QUEN VỚI CHỮ SỐ LA MÃ / Trang 121

I / HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN:

- Bước đầu làm quen với số La Mã(Xem cách đọc như SGK/ trang 121)

II/ THỰC HÀNH :

Bài 1/ Hãy viết các số II, VI, V, VII, IV, IX, XI

a/ Theo thứ tự từ bé đến lớn:

.....

b/ Theo thứ tự từ lớn đến bé:

.....

Bài 2/ Viết các số từ 1 đến 12 bằng chữ số La Mã.

.....

Toán
LUYỆN TẬP / Trang 122

I / HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN:

Bài 1/ Đồng hồ chỉ mấy giờ?

Đầu tiên ta xác định vị trí kim giờ và kim phút đang chỉ số mấy La Mã rồi đọc giờ thích hợp.

Bài 2/ Đọc các số sau:

I, III, IV, VI, VII, IX, XI, VIII, XII.

Cách giải:

- Ghi nhớ cách đọc của các chữ số La Mã thường gặp: I : một; V: năm; X : mười.

Bài 3/ Đúng ghi Đ, sai ghi S

- Cách viết các số La Mã từ các chữ số I; V; X.

II/ THỰC HÀNH :

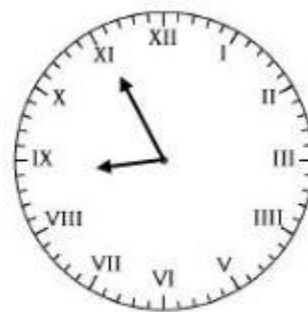
Bài 1/ Đồng hồ chỉ mấy giờ?



A



B



C

Bài 3/ Đúng ghi Đ, sai ghi S:

- Kiểm tra cách đọc của các số La Mã đã cho rồi điền Đ hoặc S vào ô trống.

III : ba ☐

VI : sáu ☐

IIII : bốn ☐

IV : bốn ☐

VII : bảy ☐

VIII : chín ☐

IX : chín ☐

XII : mười hai. ☐

Toán

THỰC HÀNH XEM ĐỒNG HỒ / Trang 123

I / HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN:

-Bài 1/ Đồng hồ chỉ mấy giờ?

Cách giải:

-Xác định vị trí của kim giờ và kim phút rồi đọc giờ của mỗi đồng hồ.

-Khoảng cách giữa hai số liền nhau là 5 phút.

- Bài 2/ Đặt thêm kim phút để đồng hồ chỉ:

a) 8 giờ 7 phút



b) 12 giờ 34 phút



c) 4 giờ kém 13 phút



Cách giải:

-Mỗi khoảng giữa hai số liên tiếp trên đồng hồ bằng 5 phút.

-Em nhẩm từ số 12 là 0 phút đến số phút mà kim phút cần chỉ.

II/ THỰC HÀNH :

Bài 1/ Đồng hồ chỉ mấy giờ?



Đồng hồ A: Mấy giờ: 2 giờ 10 phút

Đồng hồ B: Mấy giờ:.....

Đồng hồ C: Máy giờ:.....

Đồng hồ D: Máy giờ:.....

Đồng hồ E: Máy giờ:.....

Đồng hồ G: Máy giờ:.....

- Bài 2/ Đặt thêm kim phút để đồng hồ chỉ:

a) 8 giờ 7 phút

b) 12 giờ 34 phút

c) 4 giờ kém 13 phút



Bài 3/ Đồng hồ nào ứng với mỗi thời gian đã cho dưới đây:

TUẦN 24

Toán

LUYỆN TẬP / 120

I / HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN:

- Bài 1/ Đặt tính rồi tính: (Cách chia đã hướng dẫn tiết trước)

$$\begin{array}{r} 1608 \overline{) 4} \\ 00 \overline{) 40} \\ 08 \overline{) 40} \\ 0 \end{array}$$

- Bài 2 / Tìm x:

- Muốn tìm thừa số chưa biết: Ta lấy tích chia cho thừa số đã biết .

- Bài 3: Bài toán

- Bước 1: Tìm số gạo cửa hàng đã bán $\frac{1}{4}$ (Đem chia cho 4)

- Bước 2: Tìm số gạo cửa hàng còn lại

II/ THỰC HÀNH :

Bài 1: Đặt tính rồi tính:

a/ $1608 : 4$

b/ $2035 : 5$

.....

.....

.....

.....

$2105 : 3$

$2413 : 4$

.....

.....

.....

.....

Bài 2/ Tìm x:

a/ $X \times 7 = 2107$

b/ $8 \times X = 1640$

.....

.....

.....

.....

Bài 3/ Một cửa hàng có 2024 kg gạo, cửa hàng đã bán $\frac{1}{4}$ số gạo đó. Hỏi cửa hàng còn lại bao nhiêu kí-lô-gam gạo ?

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Toán
LUYỆN TẬP CHUNG/ 120

I / HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN:

- **Bài 1/ Đặt tính rồi tính:** (Cách chia ; nhân đã hướng dẫn tiết trước)

$$\begin{array}{r} 3284 \quad | \quad 4 \\ \hline \end{array} \qquad \begin{array}{r} 821 \\ \times \quad 4 \\ \hline \end{array}$$

Bài 2/ Tương tự bài 1

Bài 4/ Bài toán

- Bước 1 : Ta đi tìm chiều dài? (Chiều dài gấp 3 lần chiều rộng)
- Bước 2: Tìm chu vi hình chữ nhật ? (Chu vi hình chữ nhật ta lấy chiều dài cộng với chiều rộng (cùng đơn vị đo) rồi nhân với 2)

II/ THỰC HÀNH :

- Bài 1:Đặt tính rồi tính

$$a/ 821 : 4$$

$$1012 : 5$$

$$308 : 7$$

.....

.....

.....

.....

.....

- Bài 2: Đặt tính rồi tính:

$$4691 : 2$$

$$5060 : 5$$

$$1607 : 4$$

.....

.....

.....

.....

Bài 4: Một sân vận động hình chữ nhật có chiều rộng 95m và chiều dài gấp 3 lần chiều rộng. Tính chu vi sân vận động đó.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Toán
LÀM QUEN VỚI CHỮ SỐ LA MÃ / Trang 121

I / HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN:

- Bước đầu làm quen với số La Mã(Xem cách đọc như SGK/ trang 121)

II/ THỰC HÀNH :

Bài 1/ H ãy viết các số II, VI, V, VII, IV, IX, XI

a/ Theo thứ tự từ bé đến lớn:

.....

b/ Theo thứ tự từ lớn đến bé:

.....

Bài 2/ Viết các số từ 1 đến 12 bằng chữ số La Mã.

Toán
LUYỆN TẬP / Trang 122

I / HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN:

Bài 1/ Đồng hồ chỉ mấy giờ?

Đầu tiên ta xác định vị trí kim giờ và kim phút đang chỉ số mấy La Mã rồi đọc giờ thích hợp.

Bài 2/ Đọc các số sau:

I, III, IV, VI, VII, IX, XI, VIII, XII.

Cách giải:

- Ghi nhớ cách đọc của các chữ số La Mã thường gặp: I : một; V: năm; X : mười.

Bài 3/ Đúng ghi Đ, sai ghi S

- Cách viết các số La Mã từ các chữ số I; V; X.

II/ THỰC HÀNH :

Bài 1/ Đồng hồ chỉ mấy giờ?



A



B



C

Bài 3/ Đúng ghi Đ, sai ghi S:

- Kiểm tra cách đọc của các số La Mã đã cho rồi điền Đ hoặc S vào ô trống.

III : ba ☐

VI : sáu ☐

III : bốn ☐

IV : bốn ☐

VII : bảy ☐

VIII : chín ☐

IX : chín ☐

XII : mười hai. ☐

Toán

THỰC HÀNH XEM ĐỒNG HỒ / Trang 123

I / HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN:

-Bài 1/ Đồng hồ chỉ mấy giờ?

Cách giải:

-Xác định vị trí của kim giờ và kim phút rồi đọc giờ của mỗi đồng hồ.

-Khoảng cách giữa hai số liên nhau là 5 phút.

- Bài 2/ Đặt thêm kim phút để đồng hồ chỉ:

a) 8 giờ 7 phút

b) 12 giờ 34 phút

c) 4 giờ kém 13 phút



Cách giải:

-Mỗi khoảng giữa hai số liên tiếp trên đồng hồ bằng 5 phút.

-Em nhắm từ số 12 là 0 phút đến số phút mà kim phút cần chỉ.

II/ THỰC HÀNH :

Bài 1/ Đồng hồ chỉ mấy giờ?



Đồng hồ A: Máy giờ: 2 giờ 10 phút

Đồng hồ B: Máy giờ:

Đồng hồ C: Máy giờ:

Đồng hồ D: Máy giờ:

- Đồng hồ E: Máy giờ:

Đồng hồ G: Máy giờ:

- Bài 2/ Đặt thêm kim phút để đồng hồ chỉ:

a) 8 giờ 7 phút

b) 12 giờ 34 phút

c) 4 giờ kém 13 phút



Bài 3/ Đồng hồ nào ứng với mỗi thời gian đã cho dưới đây:



A

3 giờ 27 phút

12 giờ rưỡi



E



B

1 giờ kém 16 phút

7 giờ 55 phút



G



C

5 giờ kém 23 phút

10 giờ 8 phút



H



D

8 giờ 50 phút

9 giờ 19 phút



I

Cách giải: Xem giờ trên mỗi đồng hồ kim rồi nối với cách đọc giờ thích hợp đã cho./.



A

3 giờ 27 phút

12 giờ rưỡi



E



B

1 giờ kém 16 phút

7 giờ 55 phút



G



C

5 giờ kém 23 phút

10 giờ 8 phút



H



D

8 giờ 50 phút

9 giờ 19 phút



I

Cách giải:

Xem giờ trên mỗi đồng hồ kim rồi nối với cách đọc giờ thích hợp đã cho.

